

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2021

V/v: *Ly hôn giữa*

chị T và anh Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ông Nguyễn Đắc Nghị

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; có mặt.

Đăng ký HKTT: Tổ Dân phố T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1981; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ Dân phố T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-10-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Ngọc Q do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị trấn H vào tháng 3-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tháng 5-2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị không khắc phục được đã bỏ về nhà bố đẻ sinh sống, anh Q nhiều lần đến tìm

chị để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không về chung sống cùng anh Q. Chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 5-2020 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là Trần Ngọc Hà V, sinh ngày 30-8-2012 và Trần Bảo N, sinh ngày 11-11-2015. Hiện nay, chị đang trực tiếp nuôi cháu Vy, anh Q đang trực tiếp nuôi cháu Nguyên.

Tại bản tự khai ngày 12-11-2021, biên bản hòa giải ngày 10-12-2021, chị T xin nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm kế toán tại Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Huy, địa chỉ: Xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, thu nhập bình quân của chị là 10.000.000 đồng/ 1 tháng.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15-10-2021 và tại phiên tòa, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu Vy, để anh Q nuôi cháu Nguyên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị và anh Q không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai vào các ngày 18-10-2021 và ngày 12-11-2021, bị đơn anh Trần Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào tháng 3-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị T không khắc phục được đã đưa con bỏ về nhà bố đẻ ở và vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Ngọc Hà V, sinh ngày 30-8-2012 và Trần Bảo N, sinh ngày 11-11-2015. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu N, để chị T nuôi cháu V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm thợ lắp điện nước, thu nhập 10.000.000 đồng/1tháng.

Về chia tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa vì anh phải đi làm, công việc bận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-10-2021, cháu Trần Ngọc Hà V trình bày: Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 07-12- 2021, chính quyền Tổ Dân phố T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cung cấp: Anh Trần Ngọc Q có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng bố mẹ đẻ là ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H tại Tổ Dân phố T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Hiện anh Q đang làm ăn trên Hà Nội, anh Q thường xuyên về nhà chăm con. Cháu Trần Bảo N hiện nay đang học tại trường Tiểu học Phạm Kính Ân, thị trấn H. Cháu N được ông bà nội và anh Q chăm sóc tốt. Quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nên giao cho anh Q nuôi một con và chị T nuôi một con để các con đều được chăm sóc tốt và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con.

Tại giấy xác nhận ngày 17-11-2021 của trường Tiểu học Phạm Kính Ân, Hưng Hà, Thái Bình thể hiện nội dung: Em Trần Bảo N, sinh ngày 11-11-2015 là học sinh lớp 1A4, năm học 2021-2022; học tên bố: Trần Ngọc Q, cư trú tại: Tổ dân phố T. Em Trần Bảo N thực hiện tốt nội quy của nhà trường, phụ huynh em Nguyên luôn quan tâm đến việc học tập con em mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, chị T, anh Q đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Ngọc Q; về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi con là Trần Ngọc Hà V, anh Q trực tiếp nuôi con là Trần Bảo N, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Ngọc Q. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh Q đang cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Q theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Ngọc Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào ngày 10-3-2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng nhau về quan điểm sống nên trong cuộc sống vợ chồng xảy ra cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 5-2020 đến nay. Chị T, anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Chị T, anh Q sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là Trần Ngọc Hà V, sinh ngày 30-8-2012 và Trần Bảo N, sinh ngày 11-11-2015. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi cháu V, anh Q đang trực tiếp nuôi cháu N. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cháu V có nguyện vọng ở với mẹ; Qua xác minh thấy: Chị T, anh Q đều đảm bảo cuộc sống tốt cho các con; chị T và anh Q đều có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị T và anh Q đều là chính đáng, vì vậy, để giữ ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con là V, giao cho anh Q trực tiếp nuôi con là N, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về chia tài sản: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Ngọc Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi con Trần Ngọc Hà V, sinh ngày 30-8-2012. Giao cho anh Trần Ngọc Q trực tiếp nuôi con Trần Bảo N, sinh ngày 11-11-2015. Chị T, anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003428 ngày 15-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị T, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND thị trấn H.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên